

Số: 170 /2025/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 05 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình
xúc tiến thương mại tỉnh Ninh Bình**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11;

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện
pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp
luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 28/2018/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Quản lý
ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương được sửa đổi, bổ
sung bởi Nghị định số 14/2024/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 81/2018/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Thương mại
về hoạt động xúc tiến thương mại được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số
128/2024/NĐ-CP;*

*Căn cứ Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg về việc ban hành Quy chế xây
dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia được sửa
đổi, bổ sung bởi Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2019/TT-BCT hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc
tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về
xúc tiến thương mại được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 40/2020/TT-BCT;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2025/TT-BTC hướng dẫn việc lập dự toán, phân
bổ, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước hỗ trợ chương
trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại và chương trình cấp quốc gia về xây
dựng, phát triển thương hiệu;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình 2302/TTr-SCT
ngày 14/11/2025;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế xây dựng, quản
lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Ninh Bình.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xây dựng, quản lý và
thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2025.
2. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Hà Nam.

b) Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định ban hành Quy định về quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Nam Định.

c) Quyết định số 49/2023/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Tư pháp; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực V; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *Phước*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp chế, Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy; Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Lưu: VT, VP4, VP5.

TS_VP5

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Cao Sơn
Nguyễn Cao Sơn



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Xây dựng, quản lý và thực hiện

Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Ninh Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 170 /2025/QĐ-UBND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Ninh Bình (sau đây gọi tắt là Chương trình).

2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan quản lý nhà nước về Chương trình;
- Đơn vị chủ trì thực hiện đề án thuộc Chương trình (sau đây gọi tắt là Đơn vị chủ trì);
- Đơn vị tham gia đề án thuộc Chương trình (gọi tắt là Đơn vị tham gia);
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình

1. Phù hợp định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chương trình phát triển xuất khẩu hàng hóa và phát triển thương mại của tỉnh Ninh Bình; phù hợp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

2. Chương trình thực hiện phải đảm bảo khả thi, tránh trùng lặp, chồng chéo, đúng mục tiêu, đối tượng áp dụng, sử dụng kinh phí tiết kiệm hiệu quả và chịu trách nhiệm về nội dung chi theo quy định của pháp luật.

3. Đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch trong xây dựng, quản lý Chương trình và sử dụng nguồn kinh phí xúc tiến thương mại.

Điều 3. Mục tiêu của Chương trình

1. Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại tỉnh Ninh Bình, phát triển ngoại thương, thị trường trong nước.

2. Hỗ trợ công tác quy hoạch, vận hành hạ tầng thương mại.

3. Góp phần nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế trong tỉnh; tăng cường khả năng cạnh tranh các sản phẩm chủ lực của tỉnh nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và phát triển ngoại thương.

4. Gắn kết các hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư và du lịch của tỉnh.

Điều 4. Cơ quan quản lý nhà nước về Chương trình

Sở Công Thương là cơ quan đầu mối quản lý Chương trình, chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh phổ biến định hướng phát triển ngoại thương, thị trường trong nước theo chiến lược, quy hoạch và các đề án phát triển ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hướng dẫn các Đơn vị chủ trì xây dựng các đề án xúc tiến thương mại hàng năm theo quy định tại Quy chế này.

3. Xem xét, đánh giá và tổng hợp các đề án xúc tiến thương mại của Đơn vị chủ trì phù hợp mục tiêu, yêu cầu của Chương trình, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Chương trình xúc tiến thương mại hàng năm.

4. Quản lý kinh phí xúc tiến thương mại được giao, phối hợp triển khai các đề án thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại thực hiện tại địa phương.

5. Tổ chức quản lý, giám sát, kiểm tra việc thực hiện các đề án thuộc Chương trình và triển khai thực hiện các đề án được phân công. Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Công Thương theo quy định.

Điều 5. Đơn vị chủ trì

1. Đơn vị chủ trì bao gồm:

a) Tổ chức xúc tiến thương mại;

b) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có đề án xúc tiến thương mại đáp ứng các mục tiêu, yêu cầu, điều kiện quy định tại Quy chế này và được phê duyệt.

2. Đơn vị chủ trì phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Có tư cách pháp nhân;

b) Có khả năng huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện đề án, có kinh nghiệm, năng lực trong việc tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại;

c) Thực hiện đề án nhằm mang lại lợi ích cho các đối tượng tham gia, không nhằm mục đích lợi nhuận.

3. Đơn vị chủ trì được giao dự toán ngân sách hoặc giao kinh phí thông qua hợp đồng để triển khai thực hiện đề án và có trách nhiệm quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 6. Đơn vị tham gia

1. Đơn vị tham gia gồm:

a) Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế;

- b) Hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh;
- c) Hội, hiệp hội và các tổ chức xúc tiến thương mại được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đơn vị tham gia được Đơn vị chủ trì hỗ trợ kinh phí theo quy định tại Quy chế này và chịu trách nhiệm thực hiện có hiệu quả các đề án xúc tiến thương mại mà đơn vị tham gia.

3. Ưu tiên hỗ trợ đơn vị tham gia là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp, các hợp tác xã, tổ hợp tác mới thành lập; sản xuất, kinh doanh sản phẩm vừa phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu; sản xuất, kinh doanh sản phẩm truyền thống, đặc sản, các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, OCOP của tỉnh; sản phẩm có thương hiệu, sản phẩm đã được bảo hộ nhãn hiệu hoặc có nhu cầu quảng bá sản phẩm mới.

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình

1. Kinh phí thực hiện Chương trình từ các nguồn sau:
 - a) Ngân sách trung ương hỗ trợ;
 - b) Ngân sách tỉnh cấp hỗ trợ hàng năm theo Kế hoạch;
 - c) Đóng góp của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xúc tiến thương mại của tỉnh;
 - d) Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước;
 - đ) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.
2. Ngân sách địa phương hỗ trợ thực hiện Chương trình theo nguyên tắc:
 - a) Kinh phí thực hiện Chương trình được giao trong dự toán chi ngân sách hàng năm của Sở Công Thương và các Sở, ngành (có đơn vị chủ trì đề án được duyệt);
 - b) Hỗ trợ đơn vị tham gia thông qua đơn vị chủ trì;
 - c) Các Đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác kết hợp với phần ngân sách địa phương hỗ trợ để đảm bảo thực hiện được đề án;
 - d) Ngoài chính sách được quy định tại Quy chế này, các đối tượng áp dụng được hưởng chính sách hiện hành của Nhà nước theo quy định nhưng tối đa không vượt quá 100% tổng kinh phí của đề án. Đối với các đối tượng tham gia Chương trình đã được hưởng hỗ trợ từ nguồn kinh phí khác của tỉnh thì không được hưởng hỗ trợ từ Quy chế này.

Điều 8. Quản lý kinh phí xúc tiến thương mại của tỉnh

1. Sở Công Thương tổng hợp kinh phí các đề án xúc tiến thương mại của các sở ngành và Đơn vị chủ trì trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính). Sở Tài chính căn cứ đề xuất của Sở Công Thương và khả năng cân đối nguồn

ngân sách nhà nước báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét đưa vào dự toán ngân sách hàng năm của các sở ngành (có đề án), trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

2. Sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh giao kế hoạch, các Sở ngành giao ngân sách thực hiện đề án cho đơn vị chủ trì trực thuộc hoặc các Sở ngành tổ chức thực hiện các đề án thuộc Chương trình do mình trực tiếp chủ trì. Sở Công Thương giao kinh phí thực hiện đề án thông qua ký hợp đồng với đơn vị chủ trì không thuộc hệ thống ngân sách nhà nước. Các Sở, ngành thực hiện thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định.

3. Căn cứ dự toán chi ngân sách được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, các đơn vị chủ trì có trách nhiệm gửi hồ sơ, chứng từ đến Kho bạc nhà nước nơi giao dịch để tạm ứng, thanh toán theo quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP quy định thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước. Mức tạm ứng theo quy định tại Thông tư 17/2024/TT-BTC hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên qua Kho bạc.

4. Báo cáo quyết toán kinh phí đề án của Chương trình, tổng hợp vào quyết toán chung của Sở, ngành báo cáo các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

5. Kinh phí xúc tiến thương mại do ngân sách cấp chưa sử dụng hết trong năm kế hoạch thì nộp trả ngân sách.

Chương II

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ MỨC HỖ TRỢ

Điều 9. Nội dung hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương

1. Kết nối giao thương, tham gia hệ thống phân phối ở nước ngoài

a) Tổ chức, tham gia hội nghị, hội chợ, triển lãm quốc tế ở nước ngoài

Nội dung thực hiện: Tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện truyền thông, các hình thức quảng bá của hội chợ, triển lãm; Tổ chức giới thiệu thông tin về hội chợ, triển lãm, đoàn doanh nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm; Tổ chức văn nghệ thu hút khách tham quan đối với hội chợ, triển lãm do Việt Nam tổ chức hoặc đồng tổ chức ở nước ngoài có quy mô từ 100 gian hàng trở lên (nếu có); tổ chức và dàn dựng khu triển lãm quốc gia (nếu có); Tổ chức, dàn dựng gian hàng: thiết kế tổng thể và chi tiết; mặt bằng, dịch vụ điện, nước, an ninh, bảo vệ, vệ sinh, môi trường; Dàn dựng khu vực thông tin xúc tiến thương mại chung, trình diễn sản phẩm (nếu có); Dàn dựng gian hàng; Trang trí chung; Lễ khai mạc (đối với hội chợ, triển lãm do Việt Nam tổ chức hoặc đồng tổ chức có quy mô từ 100 gian hàng của doanh nghiệp Việt Nam trở lên hoặc tham gia hội chợ, triển lãm ở nước ngoài có quy mô từ 30 gian hàng trở lên): mời khách, lễ tân, trang trí, văn nghệ, sân khấu, âm thanh, ánh sáng;

Kinh phí hỗ trợ: tối đa 100% các nội dung trên;

b) Tổ chức, tham gia đoàn giao dịch thương mại tại nước ngoài

Nội dung thực hiện: Tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện truyền thông, tổ chức giới thiệu, thông tin về đoàn doanh nghiệp; Tổ chức hội thảo, giao thương: hội trường, thiết bị, trang trí, khu trưng bày sản phẩm mẫu, phiên dịch, lễ tân, giải khát giữa giờ, tài liệu, thẻ tên, văn phòng phẩm; Tiền vé máy bay, vé tàu, vé xe từ Việt Nam đến nước công tác và ngược lại (kể cả vé máy bay, vé tàu xe trong nội địa nước đến công tác) cho 01 người/đơn vị tham gia.

Kinh phí hỗ trợ: tối đa 100% các nội dung trên.

2. Kết nối giao thương, tham gia hệ thống phân phối ở trong nước

a) Tổ chức, tham gia hội nghị quốc tế, hội chợ triển lãm quốc tế tại Việt Nam đối với sản phẩm xuất khẩu, sản phẩm tiềm năng xuất khẩu của tỉnh;

Nội dung hỗ trợ tham gia sự kiện: Tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện truyền thông, tổ chức giới thiệu, thông tin về hội chợ, triển lãm; Tổ chức, dàn dựng gian hàng: thiết kế tổng thể và chi tiết, dàn dựng gian hàng, trang trí chung;

Nội dung hỗ trợ khi tổ chức sự kiện: ngoài các nội dung như hỗ trợ tham gia sự kiện, hỗ trợ các nội dung:

Tổ chức hội thảo và giao thương: Hội trường, thiết bị, trang trí, phiên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu, giải khát giữa giờ;

Tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì: Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức, bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm;

Kinh phí hỗ trợ: tối đa 100% các nội dung trên;

b) Tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm quốc tế tại Việt Nam cho sản phẩm của doanh nghiệp nước ngoài có nhu cầu nhập khẩu sản phẩm từ tỉnh Ninh Bình;

Nội dung thực hiện: Tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện truyền thông, tổ chức giới thiệu, thông tin về hội chợ, triển lãm; Tổ chức, dàn dựng gian hàng: thiết kế tổng thể và chi tiết, dàn dựng gian hàng, trang trí chung; Mặt bằng tổ chức hội chợ, triển lãm; Dịch vụ: điện, nước, vệ sinh, môi trường, an ninh, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy, y tế, internet; Lễ khai mạc và các sự kiện liên quan trong khuôn khổ hội chợ, triển lãm; Các hoạt động tổ chức, quản lý hội chợ, triển lãm;

Kinh phí hỗ trợ: tối đa 100% các nội dung trên;

c) Tổ chức hội chợ, triển lãm tại Việt Nam đối với các sản phẩm, nguyên liệu, thiết bị nhập khẩu phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu, sản phẩm công nghệ, nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh mà trong tỉnh sản xuất;

Nội dung thực hiện: Tuyên truyền, quảng bá: tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện truyền thông; Tổ chức giới thiệu, thông tin về hội chợ, triển lãm;

Kinh phí hỗ trợ: tối đa 100% các nội dung trên;

d) Tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào tỉnh Ninh Bình giao dịch để mua hàng;

Nội dung thực hiện: Tuyên truyền, quảng bá: mời các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài và Ninh Bình; Tổ chức giới thiệu, thông tin về đoàn doanh nghiệp nước ngoài và các doanh nghiệp tỉnh Ninh Bình; Tổ chức hội thảo và giao thương: hội trường, thiết bị, trang trí, phiên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu, giải khát giữa giờ; Tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì: bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm; Chi phí: Ăn, ở, đi lại tại Việt Nam cho Doanh nghiệp nước ngoài tham gia và không quá 04 ngày 03 đêm cho 01 người/doanh nghiệp nước ngoài; Vé máy bay khứ hồi, ăn, ở, đi lại tại Việt Nam cho người của đơn vị đối tác tổ chức đưa đoàn vào Việt Nam không quá 04 ngày 03 đêm cho 01 người/đoàn có quy mô tối thiểu 07 doanh nghiệp nước ngoài;

Kinh phí hỗ trợ: tối đa 100% các nội dung trên;

đ) Tổ chức Hội nghị quốc tế tại Ninh Bình về ngành hàng xuất khẩu;

Nội dung thực hiện: Tuyên truyền, quảng bá: mời các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài và Việt Nam; tổ chức giới thiệu, thông tin về Hội nghị quốc tế ngành hàng; Hội trường, thiết bị, trang trí, phiên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu, giải khát giữa giờ; Tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì: bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm; Báo cáo viên, thuyết trình viên: Thù lao, ăn, ở, đi lại tại Việt Nam;

Kinh phí hỗ trợ: tối đa 100% các nội dung trên;

e) Kết nối giao thương tại Việt Nam giữa nhà cung cấp với các doanh nghiệp xuất khẩu và tổ chức xúc tiến thương mại;

Nội dung thực hiện: Tuyên truyền, quảng bá, mời các tổ chức, doanh nghiệp đến giao dịch; Tổ chức giao thương: hội trường, thiết bị, trang trí, phiên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu, giải khát giữa giờ; Tổ chức gian hàng, khu vực trưng bày giới thiệu sản phẩm; Tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì: bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm;

Kinh phí hỗ trợ: tối đa 100% các nội dung trên.

3. Tổ chức, tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại trên môi trường mạng

Nội dung thực hiện và kinh phí hỗ trợ thực hiện tại “Điều 9 Tổ chức, tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại trên môi trường mạng Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại” và được sửa đổi bổ sung tại “Điều 1 của Thông tư số 40/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2020

của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại”.

4. Phát triển, vận hành hạ tầng thương mại, logistics phục vụ hoạt động ngoại thương

a) Tổ chức, tham gia hội nghị, hội chợ, triển lãm ở nước ngoài về logistics;

Nội dung và mức hỗ trợ theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 9 của Quy chế này;

b) Mời đoàn doanh nghiệp vào Ninh Bình trao đổi về cơ hội đầu tư, hợp tác về phát triển dịch vụ logistics;

Nội dung và mức hỗ trợ theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 9 của Quy chế này;

c) Tổ chức, tham gia diễn đàn logistics, hội chợ triển lãm quốc tế về logistics tại Ninh Bình và các tỉnh thành phố trong cả nước;

Nội dung và mức hỗ trợ theo quy định tại điểm a, đ khoản 2, Điều 9 của Quy chế này.

5. Hoạt động nghiên cứu, phát triển, nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa

a) Xây dựng và phát hành thông tin, cơ sở dữ liệu về sản phẩm, ngành hàng, thị trường;

Nội dung thực hiện: Thu thập, mua thông tin, cơ sở dữ liệu về ngành hàng, thị trường, sản phẩm trong nước và nước ngoài; Tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin, dữ liệu; Biên tập, xây dựng báo cáo, cơ sở dữ liệu và các sản phẩm thông tin khác;

Kinh phí hỗ trợ: tối đa 100% các nội dung trên;

b) Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, áp dụng và tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, điều kiện của các tổ chức nhập khẩu, cam kết quốc tế về sản phẩm xuất khẩu, nhập khẩu;

Nội dung thực hiện: Xây dựng tài liệu hướng dẫn các quy định, tiêu chuẩn, điều kiện của các tổ chức nhập khẩu, cam kết quốc tế về sản phẩm xuất khẩu, nhập khẩu; Tổ chức phổ biến, tập huấn: hội trường, thiết bị, trang trí, phiên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu, giải khát giữa giờ; Phổ biến trên các phương tiện thông tin truyền thông; Giảng viên, báo cáo viên: thù lao, ăn, ở, đi lại; Tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì: bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm.

Kinh phí hỗ trợ: tối đa 100% các nội dung trên;

c) Tổ chức hoặc tham gia các chương trình khảo sát, tìm hiểu thông tin về sản phẩm, ngành hàng, thị trường;

Nội dung thực hiện: Xây dựng báo cáo nghiên cứu thông tin về sản phẩm, ngành hàng, thị trường; Tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì: bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm;

Kinh phí hỗ trợ: tối đa 100% các nội dung trên;

d) Tổ chức hoặc tham gia các Hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn trong nước và nước ngoài cung cấp thông tin về phát triển sản phẩm, ngành hàng, thị trường;

Nội dung thực hiện: Tuyên truyền, quảng bá, mời các tổ chức, doanh nghiệp tham gia; Báo cáo viên: thù lao, ăn, ở, đi lại; Tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì: bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm;

Kinh phí hỗ trợ: tối đa 100% các nội dung trên;

đ) Đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức nâng cao năng lực thiết kế, phát triển sản phẩm xuất khẩu cho các doanh nghiệp và các nhà thiết kế;

Nội dung thực hiện và kinh phí hỗ trợ thực hiện theo Khoản 6 Điều này;

e) Tổ chức hoạt động tư vấn, thuê chuyên gia tư vấn, hỗ trợ thực hiện thiết kế, phát triển sản phẩm;

Nội dung thực hiện: Hoạt động tư vấn, thiết kế, phát triển sản phẩm cho sản phẩm/nhóm sản phẩm: thù lao, ăn, ở, đi lại hoặc hợp đồng trọn gói của chuyên gia; Tổ chức tư vấn: hội trường, thiết bị, trang trí, phiên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu, giải khát giữa giờ; tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì: bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm;

Kinh phí hỗ trợ: tối đa 100% các nội dung trên;

g) Tổ chức hoặc tham gia hoạt động kết nối giữa doanh nghiệp với các nhà thiết kế;

Nội dung thực hiện: tuyên truyền, quảng bá, mời các tổ chức, doanh nghiệp tham gia; tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì: bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm;

Kinh phí hỗ trợ: tối đa 100% các nội dung trên;

h) Tổ chức tuyên truyền, quảng bá ngành hàng, chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận của Ninh Bình ở nước ngoài;

Nội dung thực hiện: Thuê tư vấn xây dựng nội dung và kế hoạch, chiến lược tuyên truyền, quảng bá; Thực hiện sản phẩm tuyên truyền, quảng bá: Xây dựng sản phẩm tuyên truyền, quảng bá: thiết kế, thu thập tư liệu, viết bài, sản xuất phim, ảnh, sản phẩm truyền thông; Tuyên truyền, quảng bá, phát hành tại các sự kiện xúc tiến thương mại và trên các phương tiện thông tin truyền thông;

Kinh phí hỗ trợ: tối đa 100% các nội dung trên;

i) Mời tổ chức, chuyên gia truyền thông nước ngoài vào Ninh Bình sản xuất sản phẩm truyền thông quảng bá cho ngành hàng xuất khẩu Ninh Bình ở nước ngoài;

Nội dung thực hiện: Xây dựng kế hoạch và nội dung truyền thông; Hợp đồng trọn gói với tổ chức, chuyên gia truyền thông nước ngoài: viết bài, làm phóng sự trên báo, tạp chí chuyên ngành, truyền thanh, truyền hình, internet; Tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì: bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm;

Kinh phí hỗ trợ: tối đa 100% các nội dung trên.

6. Các hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, phát triển thị trường

a) Tổ chức, đào tạo, tập huấn, tư vấn, nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, phát triển thị trường;

Nội dung thực hiện: Biên soạn nội dung đào tạo, tập huấn; Biên dịch, phiên dịch; In ấn tài liệu, văn phòng phẩm; Giảng viên, báo cáo viên: Thù lao, ăn, ở, đi lại; Hội trường, thiết bị, trang trí, giải khát giữa giờ; Tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì: Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức theo quy định, quảng bá, mời tham gia, bưu chính, điện thoại;

Kinh phí hỗ trợ: tối đa 100% các nội dung trên;

b) Tổ chức, tham gia khóa đào tạo trọn gói của các tổ chức đào tạo (trực tiếp và trực tuyến);

Nội dung thực hiện: Học phí trọn gói của khóa học;

Kinh phí hỗ trợ: hỗ trợ tối đa 50% nội dung trên.

7. Áp dụng mức hỗ trợ 100% chi phí đối với các hoạt động xúc tiến thương mại quy định tại điểm b Khoản 6 Điều này do các cơ quan, tổ chức của Nhà nước được giao thực hiện đề án.

8. Các hoạt động xúc tiến thương mại khác do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 10. Nội dung hoạt động xúc tiến thương mại thị trường trong nước

1. Hỗ trợ 50 % kinh phí tổ chức và tham gia hội nghị, hội thảo, hội chợ, triển lãm hàng tiêu dùng tổng hợp hoặc vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn, giới thiệu các sản phẩm của doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đến người tiêu dùng.

2. Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện để tổ chức các hoạt động bán hàng: thực hiện các chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, các khu công nghiệp, khu đô thị thông qua các doanh nghiệp kinh doanh theo ngành hàng, hợp tác xã, tổ hợp tác xã cung ứng dịch vụ trên địa bàn theo các đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường trong nước; xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng quan trọng, thiết yếu; nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối, cơ sở hạ tầng thương mại. Các ấn phẩm để phổ biến kết quả điều tra, khảo sát, phổ biến pháp luật, tập quán, thói quen mua sắm.

4. Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hóa và dịch vụ trong và ngoài tỉnh đến người tiêu dùng trong nước qua các hoạt động truyền thông trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác.

5. Hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện việc hỗ trợ công tác quy hoạch, quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng thương mại.

6. Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện đào tạo, tập huấn ngắn hạn về kỹ năng kinh doanh, tổ chức mạng lưới bán lẻ; hỗ trợ tham gia các khóa đào tạo chuyên ngành ngắn hạn cho các doanh nghiệp hoạt động trong những ngành đặc thù; đào tạo kỹ năng phát triển thị trường trong nước cho các đơn vị chủ trì; hợp tác với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu xây dựng chương trình phát triển thị trường trong nước.

7. Hỗ trợ 50% kinh phí trong phạm vi các khoản chi phí theo nội dung cụ thể tại hợp đồng thực hiện đề án, tổ chức các sự kiện tổng hợp xúc tiến thương mại thị trường trong nước: Tổ chức tháng khuyến mại, tuần Hàng Việt Nam, chương trình Hàng Việt chương trình giới thiệu sản phẩm mới, bình chọn sản phẩm Việt Nam được yêu thích theo tháng, quý, năm... và các hoạt động xúc tiến thương mại khác.

8. Áp dụng mức hỗ trợ 100% chi phí đối với các hoạt động xúc tiến thương mại quy định tại khoản 1, 2, 5, 7 Điều này do các cơ quan, tổ chức của Nhà nước được giao thực hiện đề án.

9. Các hoạt động xúc tiến thương mại khác do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 11. Mức chi thực hiện Chương trình

Theo Thông tư số 45/2025/TT-BTC hướng dẫn việc lập dự toán, phân bổ, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước hỗ trợ chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại và chương trình cấp quốc gia về xây dựng, phát triển thương hiệu

1. Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, kết nối giao thương và sự kiện xúc tiến thương mại trong nước, công tác phí cho người đi công tác trong nước: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

2. Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, đoàn giao dịch thương mại và sự kiện xúc tiến thương mại ở nước ngoài, công tác phí cho người đi công tác ở nước ngoài: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC quy định chế

độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí.

3. Chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế về ngành hàng xuất khẩu tại Việt Nam; đón các đoàn nước ngoài vào Việt Nam tham gia hội chợ, triển lãm, khảo sát thị trường và giao dịch với doanh nghiệp Việt Nam: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 54/2021/TT-BTC.

4. Chi xây dựng cơ sở dữ liệu, duy trì trang thông tin điện tử về sản phẩm; chi hoạt động công nghệ thông tin phát triển sản phẩm, ngành hàng, thị trường: Thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và các quy định liên quan; các định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

5. Chi đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, phát triển thị trường: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý và sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 06/2023/TT-BTC.

6. Chi điều tra, khảo sát tìm hiểu thông tin, nghiên cứu đánh giá nhu cầu về sản phẩm, ngành hàng, thị trường: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng Điều tra thống kê quốc gia; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 37/2022/TT-BTC.

7. Chi thuê chuyên gia tư vấn phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển xuất khẩu, thâm nhập thị trường nước ngoài; chuyên gia nghiên cứu, tư vấn, đánh giá thị trường, sản phẩm; chuyên gia thẩm định đề án: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu.

8. Chi tuyên truyền, quảng bá, cung cấp thông tin, xây dựng và phát hành các ấn phẩm phục vụ chương trình xúc tiến thương mại thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản và các định mức kinh tế - kỹ thuật trong hoạt động báo chí, xuất bản.

9. Đối với các khoản chi khác phục vụ công tác xúc tiến thương mại: Thực hiện chi theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả; tổ chức thực hiện trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao và theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách, pháp luật về đấu thầu và các pháp luật liên quan.

Chương III

XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Điều 12. Xây dựng, phê duyệt và bổ sung, điều chỉnh, chấm dứt các đề án thực hiện Chương trình

1. Xây dựng đề án: Các Sở ngành, Đơn vị chủ trì đề xuất đề án để đưa vào Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh, gửi hồ sơ đến Sở Công Thương trước ngày 30 tháng 8 của năm trước năm kế hoạch.

Các trường hợp không xem xét hồ sơ đề xuất bao gồm: Đơn vị chủ trì không đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Quy chế này; Hồ sơ không đầy đủ theo quy định; và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật có liên quan. Sở Công Thương thông báo bằng văn bản cho Đơn vị chủ trì về việc không xem xét tiếp nhận hồ sơ và nêu rõ lý do.

2. Xây dựng và phê duyệt Chương trình: Sở Công Thương xem xét, đánh giá các đề án, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Tài chính thẩm định, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Chương trình xúc tiến thương mại trước 30/10 hàng năm.

3. Phê duyệt đề án: Trên cơ sở kinh phí được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, thủ trưởng các sở, ngành thẩm định, phê duyệt đề án cho đơn vị trực thuộc. Sở Công Thương phê duyệt đề án và kinh phí cho các đơn vị không thuộc hệ thống ngân sách.

4. Điều chỉnh, bổ sung, thay đổi nội dung, chấm dứt thực hiện đề án

Đề xuất điều chỉnh, thay đổi nội dung: Đơn vị chủ trì có văn bản gửi Sở ngành đã giao kinh phí cho đơn vị đề nghị điều chỉnh, thay đổi.

a) Đối với các đề án chỉ điều chỉnh thời gian, địa điểm thực hiện đề án, không thay đổi mục tiêu của đề án và trong phạm vi tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ cho đề án đó, thì các sở ngành được giao kinh phí chủ động quyết định điều chỉnh;

b) Đối với các đề án bổ sung, điều chỉnh, thay đổi nội dung, mục tiêu, kinh phí ... Đơn vị chủ trì gửi hồ sơ đề nghị đến Sở Công Thương. Sở Công Thương chủ trì phối hợp với Sở Tài chính xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

c) Trường hợp đề án không thực hiện được, hoặc không hoàn thành đề án trong năm kế hoạch, các Sở ngành, Đơn vị chủ trì có trách nhiệm báo cáo Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Đề án mang tính dài hạn có quá trình thực hiện 02 năm, các Sở ngành, Đơn vị chủ trì phải xây dựng nội dung và kinh phí tổng thể cho cả giai đoạn và chi tiết cho từng năm.

6. Sở Công Thương thường xuyên nắm bắt tiến độ, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Chủ trì hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy chế này.
2. Theo dõi, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh những vấn đề ngoài quy định của Quy chế này hoặc vượt thẩm quyền; tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế trong trường hợp cần thiết.
3. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước về Chương trình theo quy định tại Quy chế này để bảo đảm Chương trình của tỉnh được thực hiện theo đúng yêu cầu, mục tiêu, nội dung, tiến độ và quy định của pháp luật.
4. Rà soát tiến độ, nội dung, kinh phí thực hiện các đề án để điều chỉnh, chấp thuận bổ sung đề án thực hiện chương trình.
5. Không tiếp nhận đề án trong năm tiếp theo đối với đơn vị chủ trì vi phạm trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, đề án thuộc Chương trình.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Hàng năm, trên cơ sở đề xuất của Sở Công Thương, căn cứ khả năng cân đối ngân sách tỉnh, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan.
2. Phối hợp tổ chức thẩm định các đề án điều chỉnh khi có đề nghị của Sở Công Thương.

Điều 15. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Phối hợp triển khai Chương trình trên địa bàn, lĩnh vực phụ trách. Phối hợp tuyên truyền, phổ biến Quy chế đến các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.
2. Phối hợp với Sở Công Thương và các Đơn vị chủ trì trong việc hướng dẫn, tổ chức thực hiện các đề án xúc tiến thương mại của tỉnh đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.
3. Các Sở, ngành thẩm định, phê duyệt đề án của các đơn vị chủ trì trực thuộc.

Điều 16. Trách nhiệm của Đơn vị chủ trì

1. Tổ chức thực hiện các đề án được phê duyệt theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ, dự toán được duyệt và báo cáo kết quả sau khi kết thúc thực hiện mỗi đề án; đảm bảo sử dụng kinh phí tiết kiệm, có hiệu quả và chịu trách nhiệm về nội dung chi theo đúng chế độ tài chính hiện hành.

2. Đối với đề án có nhiều đơn vị tham gia, đơn vị chủ trì có trách nhiệm phối hợp và phân công các đơn vị tham gia thực hiện từng nội dung của đề án đảm bảo phù hợp.

3. Lựa chọn đơn vị tham gia phù hợp với tiêu chí đã cam kết trong đề án. Nội dung tham gia của doanh nghiệp, cơ sở phải phù hợp với sản phẩm, dịch vụ của đơn vị.

4. Định kỳ 6 tháng (trước 30/6) và 1 năm (trước 15/12), các Sở ngành, Đơn vị chủ trì phải gửi báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình, kết quả thực hiện các đề án xúc tiến thương mại (thông qua Sở Công Thương tổng hợp).

5. Cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin liên quan đến việc triển khai đề án xúc tiến thương mại và tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát theo quy định.

Điều 17. Trách nhiệm của đơn vị tham gia

Thực hiện nghiêm túc các quy định khi tham gia chương trình theo hướng dẫn của Đơn vị chủ trì. Sử dụng kinh phí hỗ trợ theo đúng nội dung đã đăng ký. Thực hiện báo cáo có liên quan theo quy định.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Những nội dung về xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình không được quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg, Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg; Thông tư số 11/2019/TT-BCT và Thông tư số 40/2020/TT-BCT; Thông tư số 45/2025/TT-BTC.

2. Đối với đề án, nhiệm vụ đã được quyết định hoặc phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo Quy chế này.

3. Trường hợp các quy định được dẫn chiếu trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các quy định thay thế mới nhất.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo, đề xuất gửi Sở Công Thương tổng hợp, nghiên cứu tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.